

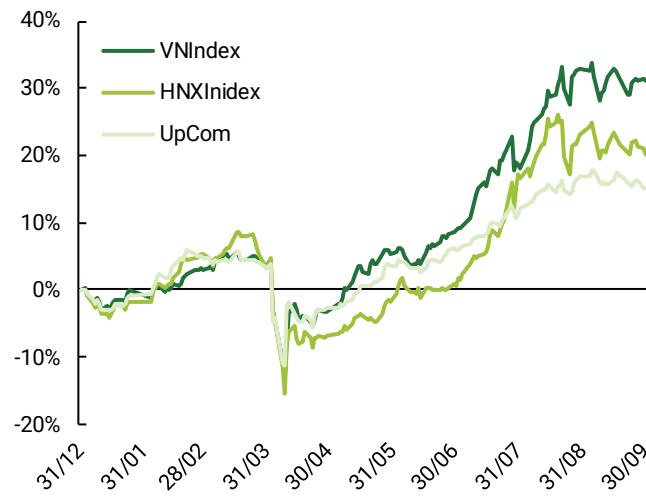
VN-Index **1665.05 (0.20%)**
776 Tr. cổ phiếu 21671.9 Tỷ VND (-33.19%)

HNX-Index **273.22 (0.02%)**
69 Tr. cổ phiếu 1468.1 Tỷ VND (-46.35%)

UPCOM-Index **109.79 (0.30%)**
20 Tr. cổ phiếu 278.2 Tỷ VND (-63.56%)

VN30F1M **1864.00 (0.52%)**
218,712 HD OI: 32,946 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

▪ **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1665.0, tăng +3.4 điểm (+0.20%); VN30 tăng +7.5 điểm (+0.40%); HNXIndex tăng +0.1 điểm (+0.02%). Thanh khoản giảm với độ rộng nghiêng về số mã tăng giá.

▪ **Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm Ngân hàng trở lại vai trò dẫn dắt trong khi nhóm Bất động sản gây áp lực lên đà giảm. Mặt bằng chung cổ phiếu phục hồi sau phiên giảm điểm hôm qua nhưng mức lan tỏa còn kém.

Nhóm ngành và cổ phiếu phản ứng tích cực trong phiên: Ngân hàng: STB (+5.1%), LPB (+3.0%), TPB (+2.4%) | Dịch vụ tài chính: EVF (+6.8%), TCI (+6.7%), VIX (+2.5%) | Thực phẩm và đồ uống: HAG (+3.7%), VNM (+3.5%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: CTD (+3.1%), TV2 (+2.0%), GEX (+0.9%). Nhóm ngành và cổ phiếu phản ứng yếu: Bất động sản: VIC (-2.8%), TAL (-2.1%), VHM (-1.8%) | Vận tải: GMD (-2.1%), VJC (-1.2%), ACV (-1.1%) | Bán lẻ: FRT (-1.3%), PET (-0.8%) | Bảo hiểm: BIC (-1.4%), BMI (-0.9%)

Tác động chỉ số: Chiều tăng | STB, TCB, LPB, VNM - Chiều giảm | VIC, VHM, VPB, VJC.

Khối ngoại tiếp tục Bán ròng hơn 1600 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VHM, FPT, MWG, STB, trong khi mua ròng VIX, LPB, TCH.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

▪ **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nền Doji lưỡng lự. Thanh khoản cũng giảm mạnh cho thấy giằng co ở cả chiều mua và bán. Thị trường có lẽ tiếp tục rung lắc quanh khu vực 1660 (+/- 15 điểm). Các chỉ báo kỹ thuật nhìn chung cũng giữ vận động trung tính. Đà tăng được xác nhận khi chỉ số bút phá và duy trì trên ngưỡng 1680 điểm. Trong khi quán tính giảm sẽ trở lại nếu vận động suy yếu dưới ngưỡng 1640 điểm.

▪ **Đối với HNX-Index**, trạng thái lưỡng lự cũng chiếm ưu thế với khớp lệnh sụt giảm. Chỉ số đang bám sát đường MA50 quanh mức 273. Vận động có thể tiếp tục được củng cố, dù vậy, một dấu hiệu thoái lui thấp hơn mức 270 sẽ phát rủi ro cao hơn.

▪ **Chiến lược chung:** Trong bối cảnh phân hóa gia tăng, dù chỉ số có thể tiếp tục cân bằng nhưng cần chú trọng danh mục nắm giữ để cơ cấu phù hợp. Đối với phân lớp cổ phiếu yếu, sau khi hạ tỷ trọng trước đó NĐT nên theo dõi thêm phản ứng tại hỗ trợ. Nếu giá vẫn giữ được vùng đỡ, có thể tiếp tục nắm giữ, trường hợp sập gãy mới cân nhắc hạ thêm tỷ trọng. Với nhóm giao dịch kênh trên vẫn tuân thủ kỷ luật nếu vi phạm stop loss. Nhóm ngành ưu tiên chú ý: Ngân hàng, Chứng khoán, Bất động sản, Đầu tư công.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua TCB (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa		% Thay đổi		Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với					
			(%) 1D	(%) 1W		(%) 1M	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		
Theo chỉ số															
VN-Index	1,665.1	📈	0.20%	0.5%	-1.0%	21,671.9	▼	-33.2%	-20.3%	-51.9%	776.1	▼	-35.8%	-22.4%	-49.2%
HNX-Index	273.2	📈	0.0%	-1.5%	-2.4%	1,468.1	▼	-46.4%	-34.9%	-54.4%	69.1	▼	-41.7%	-26.6%	-52.7%
UPCOM-Index	109.8	📈	0.3%	0.1%	-1.1%	278.2	▼	-63.6%	-47.7%	-76.9%	20.0	▼	-53.7%	-42.5%	-79.8%
VN30	1,870.6	📈	0.40%	0.9%	0.3%	10,751.0	▼	-28.6%	-30.1%	-54.2%	279.4	▼	-33.0%	-45.2%	-58.9%
VNMID	2,476.5	📈	0.5%	-1.1%	-3.8%	9,070.1	▼	-37.2%	-6.9%	-48.4%	337.5	▼	-38.3%	-5.2%	-43.5%
VNSML	1,589.8	📈	0.30%	-1.2%	-1.6%	1,304.5	▼	-34.3%	-7.8%	-54.5%	81.8	▼	-39.0%	-14.1%	-54.3%
Theo ngành (VNIndex)															
Ngân hàng	666.5	📈	1.02%	1.4%	-5.9%	6,253.0	▼	-19.3%	-18.1%	-27.8%	216.5	▼	-28.9%	-27.9%	-33.9%
Bất động sản	582.2	▼	-1.4%	8.6%	12.4%	3,978.0	▼	-46.9%	-32.9%	-22.2%	133.5	▼	-53.0%	-41.0%	-32.1%
Dịch vụ tài chính	372.7	📈	0.5%	0.8%	-7.7%	3,581.7	▼	-3.4%	-5.0%	-25.2%	129.2	📈	3.9%	5.1%	-16.7%
Công nghiệp	261.2	📈	0.0%	4.0%	2.6%	1,402.2	▼	-18.5%	-7.9%	-1.6%	32.0	▼	-26.5%	-19.2%	-7.6%
Tài nguyên cơ bản	560.4	📈	0.4%	-1.7%	2.8%	1,078.7	▼	-52.3%	-36.7%	-61.6%	44.9	▼	-53.1%	-36.7%	-60.0%
Xây dựng - Vật Liệu	198.3	📈	0.1%	-0.8%	-7.5%	1,042.5	▼	-65.6%	-59.2%	-44.3%	46.7	▼	-64.5%	-58.4%	-44.6%
Thực phẩm	553.8	📈	1.2%	-1.1%	-0.6%	1,440.0	▼	-11.3%	-2.3%	-26.2%	47.2	▼	-1.0%	8.9%	-1.6%
Bán Lẻ	1,413.4	▼	-0.1%	-0.2%	-0.6%	505.3	▼	-53.8%	-29.9%	-43.7%	6.9	▼	-51.3%	-31.2%	-46.1%
Công nghệ	497.4	📈	0.3%	-4.7%	-7.9%	708.8	▼	-47.8%	-32.4%	-44.8%	8.5	▼	-48.5%	-31.5%	-45.3%
Hóa chất	168.9	📈	0.3%	-1.9%	-4.6%	353.1	▼	-50.8%	-10.3%	-31.4%	10.9	▼	-54.8%	-22.5%	-28.4%
Tiện ích	656.6	📈	0.1%	-1.4%	-3.4%	190.5	▼	-47.4%	-43.7%	-51.2%	10.8	▼	-40.9%	-29.5%	-41.0%
Dầu khí	74.0	📈	0.6%	-2.0%	-1.6%	164.3	▼	-50.6%	-55.6%	-64.8%	6.7	▼	-48.0%	-51.9%	-62.4%
Dược phẩm	432.0	📈	0.2%	-0.3%	2.0%	25.7	▼	-31.3%	-69.5%	-58.5%	1.4	▼	-39.8%	-67.6%	-62.6%
Bảo hiểm	91.4	▼	-0.8%	0.1%	-5.1%	17.7	▼	-73.5%	-55.5%	-61.9%	0.6	▼	-77.5%	-60.8%	-60.0%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,665.1	0.2%	31.4%	16.0x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,275	0.1%	-8.9%	14.7x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	8,044	-0.2%	13.6%	19.6x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,056	0.6%	-4.2%	15.9x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,026	1.2%	-7.7%	10.1x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,883	-	15.8%	19.2x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,856	-	33.9%	13.1x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	44,551	-0.8%	11.7%	20.9x	2.3x
S&P 500	Mỹ	6,688	0.4%	13.7%	27.8x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	46,398	0.2%	9.1%	24.5x	5.7x
FTSE 100	Anh	9,418	0.7%	15.2%	14.2x	2.2x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,554	0.4%	13.4%	17.0x	2.3x
DXV		98	-0.08%	-9.8%		
USDVND		26,417	-0.03%	3.7%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

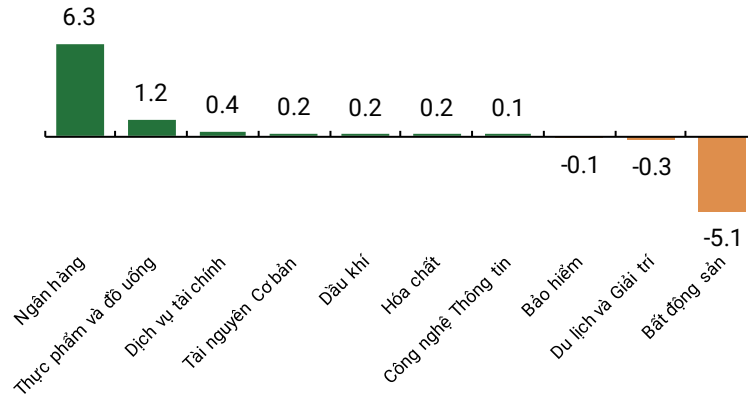
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-1.5%	-3.2%	-11.6%	-10.3%
Dầu WTI	▼	-1.8%	-2.6%	-13.1%	-10.7%
Khí gas	▲	3.4%	12.7%	-7.0%	16.6%
Than cốc (*)	▬	0.0%	-6.7%	-13.7%	-18.7%
Thép HRC (*)	▼	-0.1%	-0.8%	-2.5%	-7.9%
PVC (*)	▬	0.0%	-0.2%	-5.2%	-10.3%
Phân Urea (*)	▼	-19.0%	-19.0%	11.1%	14.4%
Cao su thiên nhiên	▼	-2.8%	-3.6%	-14.8%	-21.1%
Bông Cotton	▬	0.4%	-2.9%	-7.4%	-13.3%
Đường	▲	1.4%	-0.8%	-15.7%	-29.3%
World Container Index	▼	-7.9%	-16.9%	-53.7%	-52.3%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-0.1%	8.6%	21.7%	30.1%
Vàng	▲	1.4%	11.8%	48.0%	45.9%
Bạc	▬	0.6%	16.0%	63.3%	50.1%

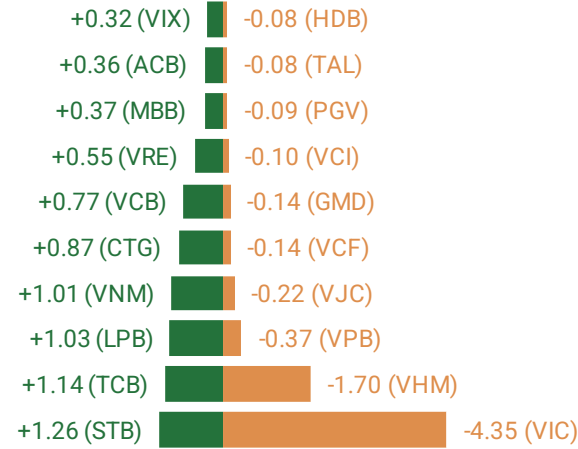
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

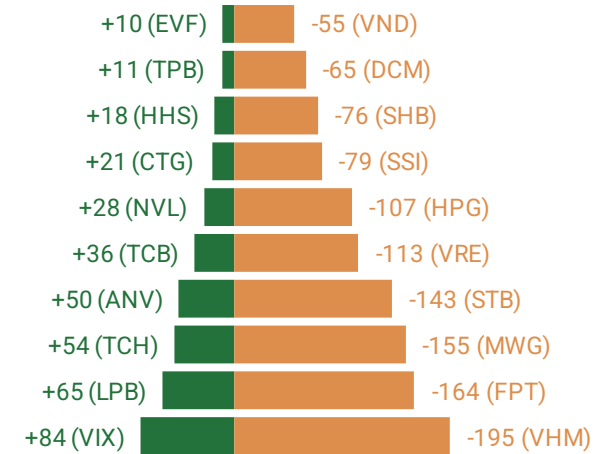
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



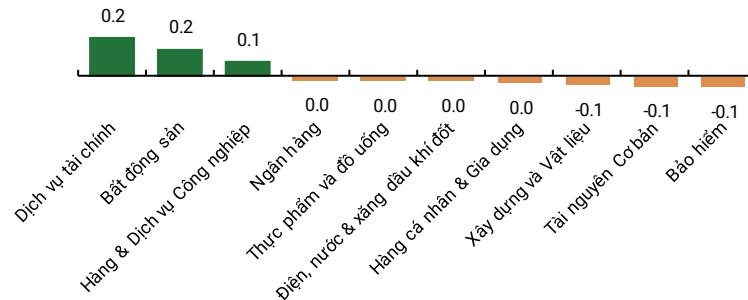
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



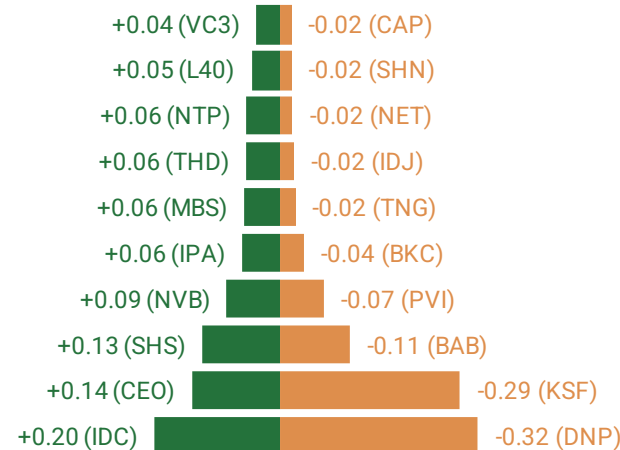
TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



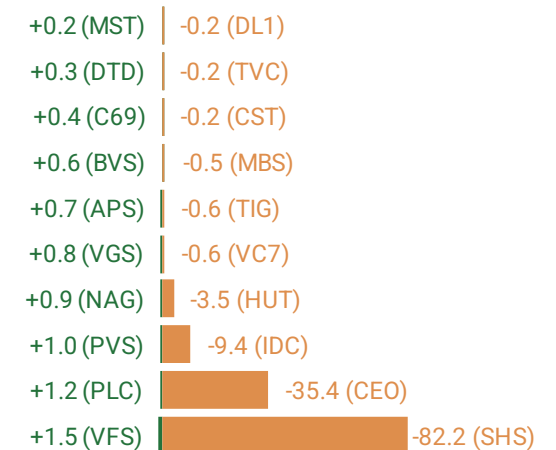
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VIX	STB	HPG	SHB	GEX
%DoD	2.5%	5.1%	0.5%	0.3%	0.9%
Giá trị	1,156	1,083	846	805	749

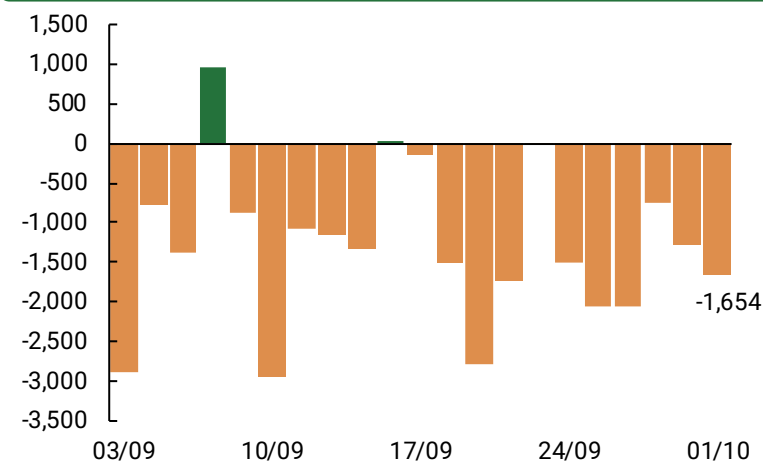
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	STB	VHM	VIX	SJS	MSB
%DoD	5.1%	-1.7%	2.5%	0.9%	0.8%
Giá trị	334	196	182	152	97

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



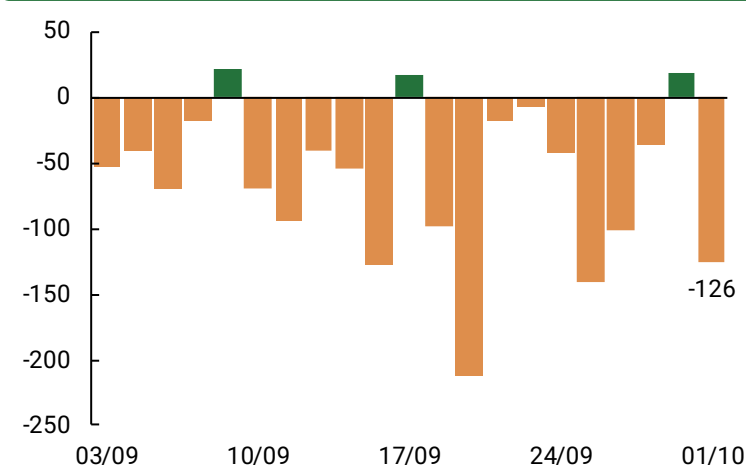
	SHS	CEO	MBS	PVS	VFS
%DoD	0.4%	0.8%	0.9%	0.0%	0.0%
Giá trị	561	252	113	64	44

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	L40	HUT	CEO	PVC	NAG
%DoD	5.3%	0.0%	0.8%	0.0%	3.9%
Giá trị	27	18	11	10	5

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Doji, vol giảm mạnh.
- ✓ Hỗ trợ: 1590 – 1615.
- ✓ Kháng cự: 1680 - 1700.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Chỉ số kết phiên với mẫu hình nến Doji lưỡng lự và biên độ đã thu hẹp bớt. Trạng thái do dự vẫn đang chiếm thế chủ đạo. **VN-Index có lẽ tiếp tục rung lắc củng cố thêm quanh ngưỡng 1660 (+/- 15 điểm).** Nếu bứt phá thành công kháng cự 1680 có thể kỳ vọng quay lại quán tính tăng. Trường hợp suy yếu và đảo chiều dưới ngưỡng 1640 điểm, áp lực điều chỉnh sẽ chi phối trở lại với khả năng lùi về mốc tâm lý 1600.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Spinning top, Vol giảm mạnh.
- ✓ Hỗ trợ: 1770 - 1800.
- ✓ Kháng cự: 1880 - 1900.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

➔ Vận động nhìn chung cân bằng quanh mốc 1860 (+/- 20 điểm). Thanh khoản sụt giảm trở lại cho thấy sự lưỡng lự chi phối. **Xu hướng giằng co có lẽ còn tiếp diễn với kháng cự gần là ngưỡng 1880 điểm, trong khi hỗ trợ duy trì động lượng quanh mức 1830 điểm.**

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio		
Ticker	TCB	BUY	Current price		38.6	P/E (x)	12.8	
			Action price	02/10	38.6	P/B (x)	1.7	
Exchange	HOSE					EPS	3018.1	
			Target price		42.5	10.2%	ROE	14.3%
Sector	Banks		Cut loss		36.5	-5.3%	Stock Rating	BBB
						Scale Market Cap	Large	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá ổn định quanh MA20 và bật tăng trở lại
 - Thanh khoản tăng đồng thuận chiều mua lên.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu và ở trên miền dương, cùng với RSI cũng trở lại đà tăng trên mức trung bình 50, hàm ý động lượng cải thiện.
 - Khu vực 36.5 – 37.5 đã được kiểm định trước đó đóng vai trò hỗ trợ tốt.
- ➔ Xu hướng tăng kỳ vọng tiếp tục với mục tiêu hướng về đỉnh cũ.
- ➔ Khuyến nghị Mua quanh giá hiện tại hoặc tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	TCB	Mua	02/10/2025	38.55	38.55	0.0%	42.5	10.2%	36.5	-5.3%	Kiểm định tốt hỗ trợ

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	HPG	Mua	12/09/2025	-	28.30	29.2	-2.9%	33.0	13.2%	27.0	-7.4%	
2	CTD	Mua	19/09/2025	-	80.50	81.8	-1.6%	92.0	12.5%	76.0	-7.1%	
3	YEG	Mua	26/09/2025	-	14.35	14.7	-2.0%	16.5	12.6%	13.6	-7.2%	
4	PVT	Mua	29/09/2025	-	18.00	18.5	-2.7%	21.0	13.5%	17.5	-5.4%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1864, tăng 9.6 điểm (+0.52%), hiện thấp hơn VN30 cơ sở. Thanh khoản giảm với độ lệch basis khoảng 6.6 điểm. Khối ngoại tiếp tục Mua ròng 1036 HĐ, tương ứng hơn 193 tỷ đồng. Vận động phục hồi nhanh đầu phiên sáng và trở lại trạng thái đi ngang trong phần lớn thời gian buổi chiều.
- Ở đồ thị 15p**, với việc hạ nhiệt cuối phiên, động lượng có phần suy yếu khi MACD vừa cắt xuống đường tín hiệu, bên cạnh RSI cũng giảm về gần mức trung bình 50, hàm ý giá khả năng kiểm định lại hỗ trợ quanh khu vực 1856 - 1862.
- Vị thế Long có thể chờ khi giá hạ nhiệt về khu vực hỗ trợ, nếu vẫn cân bằng và duy trì trên ngưỡng 1860 sẽ tiếp tục ủng hộ chiều đi lên. Ngược lại, nếu giá thoái lui thấp hơn ngưỡng 1855, áp lực điều chỉnh sẽ sâu hơn và vị Short có thể cân nhắc.

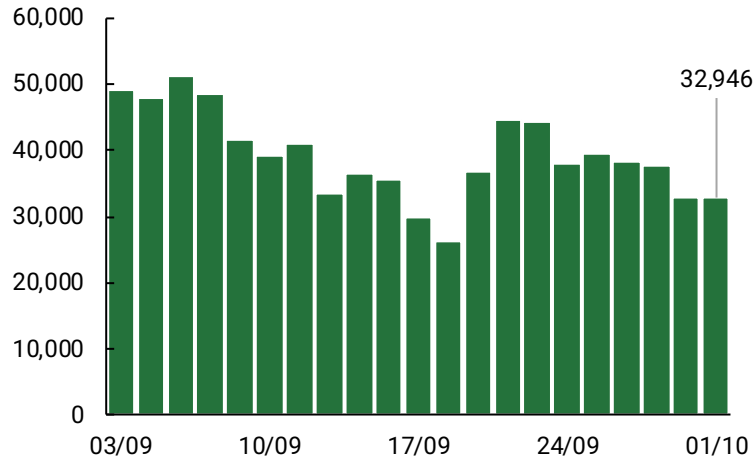
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 1.861	1.872	1.856	11 : 5
Short	< 1.855	1.843	1.861	12 : 6

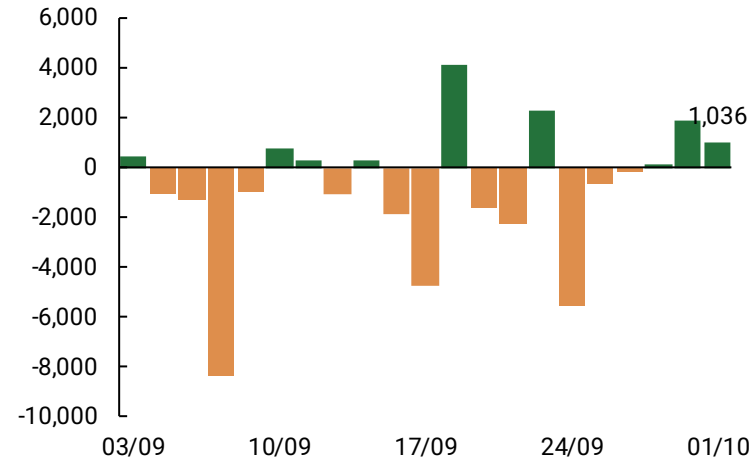
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
VN30 Index	1,870.6	7.5						
4111G3000	1,838.0	8.0	41	312	1,878.1	-40.1	19/03/2026	169
4111FB000	1,862.0	8.4	393	926	1,872.8	-10.8	20/11/2025	50
4111FA000	1,864.0	9.6	218,712	32,946	1,871.3	-7.3	16/10/2025	15
VN30F2512	1,858.0	10.7	193	1,397	1,874.1	-16.1	18/12/2025	78

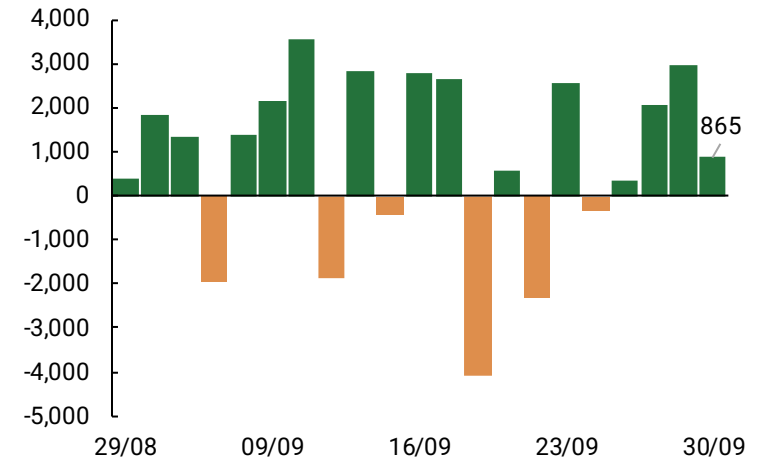
Khối lượng mở (Open interest)



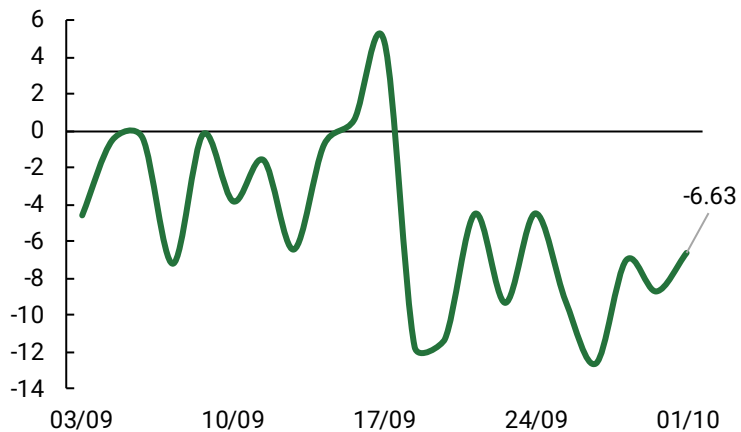
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



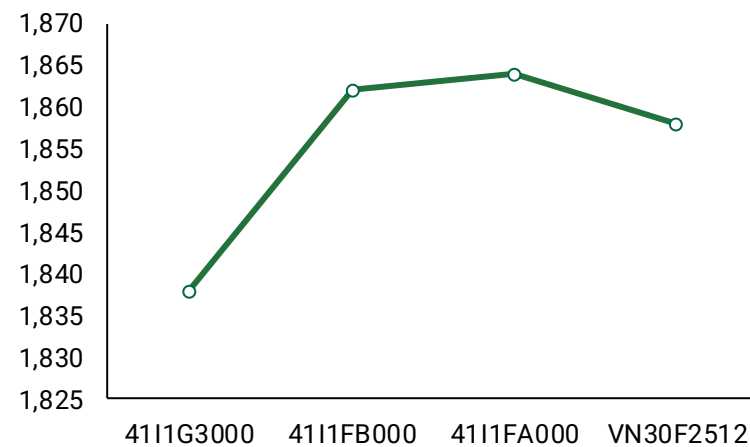
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



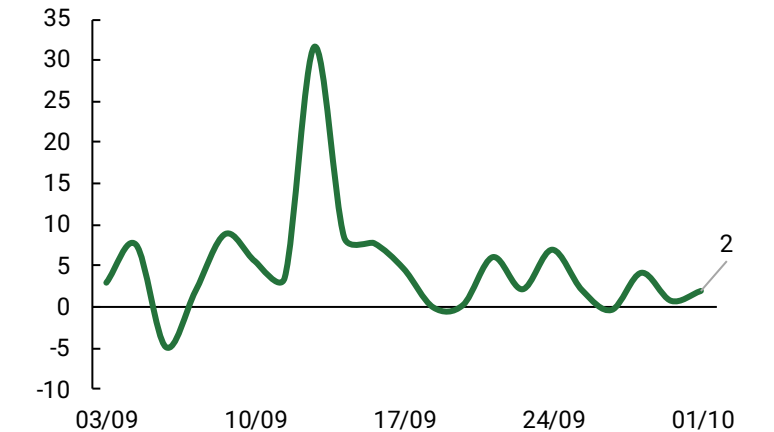
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	73,800	67,900	-8.0%	Giảm tỷ trọng
CTI	25,550	27,200	6.5%	Nắm giữ
DBD	54,000	68,000	25.9%	Mua
DDV	31,821	35,500	11.6%	Tăng tỷ trọng
DGC	92,200	102,300	11.0%	Tăng tỷ trọng
DGW	41,650	48,000	15.2%	Tăng tỷ trọng
DPR	37,600	41,500	10.4%	Tăng tỷ trọng
DRI	11,506	18,000	56.4%	Mua
EVF	14,200	14,400	1.4%	Nắm giữ
FRT	126,300	135,800	7.5%	Nắm giữ
GMD	66,500	72,700	9.3%	Nắm giữ
HAH	53,600	67,600	26.1%	Mua
HDG	32,150	33,800	5.1%	Nắm giữ
HHV	16,150	12,600	-22.0%	Bán
HPG	28,300	30,900	9.2%	Nắm giữ
IMP	53,000	55,000	3.8%	Nắm giữ

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	26,400	22,700	-14.0%	Bán
MSH	34,650	47,100	35.9%	Mua
MWG	77,700	92,500	19.0%	Tăng tỷ trọng
NLG	40,150	43,600	8.6%	Nắm giữ
PHR	56,500	72,800	28.8%	Mua
PNJ	83,400	95,400	14.4%	Tăng tỷ trọng
PVT	18,000	18,900	5.0%	Nắm giữ
SAB	45,300	59,900	32.2%	Mua
TCB	38,550	35,650	-7.5%	Giảm tỷ trọng
TCM	29,650	38,400	29.5%	Mua
TRC	70,900	94,500	37.8%	Mua
VCG	27,400	26,200	6.7%	Nắm giữ
VHC	55,100	60,000	12.7%	Tăng tỷ trọng
VNM	62,100	69,500	18.4%	Tăng tỷ trọng
VSC	29,450	17,900	-39.4%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

01/10	Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
03/10	Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
06/10	Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế VN Quý III và 9 tháng
07/10	Việt Nam - FTSE Russell công bố phân loại thị trường
15/10	Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
16/10	Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI) Việt Nam - Đáo hạn phái sinh
20/10	Việt Nam - Công bố danh mục cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số Diamond Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản
30/10	Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành EU - ECB công bố lãi suất Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất
31/10	Việt Nam - Công bố sơ bộ GDP Việt Nam - Các quỹ ETF Diamond cơ cấu chỉ số

THÔNG TIN VĨ MÔ

Đơn hàng mới tăng, PMI sản xuất Việt Nam tháng 9 giữ trên 50 điểm: Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam tháng 9 đạt 50,4 điểm, duy trì trên ngưỡng 50 tháng thứ ba liên tiếp. Điều kiện kinh doanh trong ngành sản xuất tiếp tục ghi nhận sự cải thiện nhẹ, nhờ sự phục hồi của số lượng đơn đặt hàng mới. Sản lượng và hoạt động mua hàng cũng tăng theo, tuy nhiên triển vọng ngành có thể bị thách thức trong thời gian tới do áp lực lạm phát ngày càng gia tăng.

Thủ tướng yêu cầu đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế: Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính vừa ký Công điện số 179/CP-TTg ngày 29/9/2025 về việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phát triển thị trường trong nước năm 2025.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

BSR - Doanh thu BSR đạt hơn 105.000 tỷ trong 9 tháng: BSR ghi nhận sản lượng 9 tháng trên 5 triệu tấn, doanh thu 105,289 tỷ đồng, lợi nhuận vượt kế hoạch. Nhà máy Dung Quất đã sản xuất 102,7 triệu tấn sản phẩm từ 2009, đóng góp trên 30% nhu cầu dân dụng trong nước. Năm 2025, BSR đặt mục tiêu doanh thu 114,654 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 752 tỷ đồng, dự kiến tăng trưởng tích cực.

HDC - Hodeco ước đạt 608 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế năm 2025, chuẩn bị mở bán dự án The Light: Hodeco ước hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận 2025 với 608 tỷ đồng sau thuế, tăng gần 850% so với năm trước. Doanh thu đạt 1,080 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 755 tỷ, vượt 142% kế hoạch. Công ty tập trung tối ưu dòng tiền, đẩy mạnh bán hàng dự án The Light City và Ngọc Tước 2, chuẩn bị phát hành trái phiếu chuyển đổi, mở rộng dự án sau sáp nhập Bà Rịa-Vũng Tàu vào TP.HCM.

REE và Tập đoàn Trường Thành Việt Nam (TTVN) hợp tác cùng các tập đoàn tỷ đô Nhật Bản khởi công 4 dự án điện gió tại Vĩnh Long: REE và TTVN Group cùng các tập đoàn Nhật Bản khởi công 4 dự án điện gió công suất 224 MW tại Vĩnh Long, tổng vốn đầu tư 11,284 tỷ đồng, dự kiến sản xuất 718 triệu kWh/năm, tạo việc làm và đóng góp ngân sách 115 tỷ đồng/năm. Các nhà đầu tư cam kết vận hành thương mại vào quý IV/2026, hỗ trợ phát triển năng lượng tái tạo và an ninh năng lượng tỉnh.

VIC - Thêm 3.500 tỷ đồng sắp 'chảy' về một tập đoàn đình đám: Vingroup đã phê duyệt phát hành 3,500 tỷ đồng trái phiếu có bảo đảm, kỳ hạn tối đa 24 tháng, nhằm cơ cấu lại nợ. Trước đó, tập đoàn từng phát hành 2,500 tỷ đồng trái phiếu với mục đích tương tự. Đồng thời, Vingroup thành lập công ty con mới VinDynamics, chuyên nghiên cứu và sản xuất người máy; mở rộng hệ sinh thái robot gồm VinRobotics và VinMotion.

GEX - Mẹ ông Nguyễn Văn Tuấn đăng ký mua 12 triệu cổ phiếu GEX khi giá ở đỉnh lịch sử: Bà Đào Thị Lơ, mẹ ông Nguyễn Văn Tuấn, Tổng Giám đốc Tập đoàn Gelex, vừa đăng ký mua 12 triệu cổ phiếu GEX trong thời gian từ 6/10 đến 4/11, với mục đích tăng tỷ lệ sở hữu. Nếu giao dịch thành công, bà Lơ sẽ nâng sở hữu lên 4,4% vốn điều lệ.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415